

Số: 263/QHTLMN
V/v: vấn đề quản lý nước vùng
ĐBSCL của chuyên gia Nguyễn Hữu
Thiện

TP. HCM, ngày 30 tháng 09 năm 2022

Kính gửi: Tổng cục Thủy lợi.

Vừa qua, trên báo Nhân dân Cuối tuần có đăng loạt bài về “Chìa khóa quản trị nguồn nước châu thổ Cửu Long”, trong đó có bài “Vấn đề nội tại của sức khỏe đồng bằng” ngày 16/9/2022 của chuyên gia Nguyễn Hữu Thiện. Bài viết nêu ra vấn đề quản lý nước tại vùng Đồng bằng như thế nào trong bối cảnh phức tạp hiện nay. Liên quan đến nội dung này, Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam có ý kiến như sau:

Vấn đề đê bao và kiểm soát lũ ở vùng ngập lũ

Vùng ngập lũ ĐBSCL có diện tích 1,5 -1,7 triệu ha. Lũ lụt xảy ra gây nhiều thiệt hại cho đời sống dân cư và sản xuất. Diễn biến lũ ở ĐBSCL có thể được hình dung ra và nhận diện thông qua một số trận lũ lớn điển hình. Thông thường, trước đây khoảng 4 ÷ 6 năm tại ĐBSCL có một trận lũ lụt lớn. Trong gần 69 năm qua, thì các năm 1961, 1978, 1984, 1991, 1994, 1996, 2000, 2001 và 2002, 2011 là những năm lũ lớn.

Lũ ĐBSCL có cường suất không cao nhưng gây ngập sâu và kéo dài trên một diện tích rộng lớn. Tình trạng ngập lũ gây nhiều cản trở cho việc phát triển kinh tế xã hội, sản xuất nông nghiệp, việc định cư và xây dựng cơ sở hạ tầng, đồng thời làm cho đời sống nhân dân không an toàn và ổn định, việc đi lại, học hành, chữa bệnh bị hạn chế.

Lũ ở ĐBSCL có những mặt lợi, nhưng cũng có nhiều mặt bất lợi như: hạn chế khả năng khai thác tiềm năng đất đai, hạn chế quá trình phát triển nông thôn và đô thị hóa, cũng như mở mang dân trí và xây dựng xã hội văn minh. Vì vậy, Quy hoạch lũ ĐBSCL (Quyết định 144/QĐ-TTg) đã được phê duyệt trước đây không chỉ có giải pháp xây dựng hạ tầng đê bao mà còn bao gồm các giải pháp phân lũ, kiểm soát lũ theo không gian, thời gian phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế và sản xuất vùng ĐBSCL, nhằm tận dụng mặt lợi và hạn chế tối đa những bất lợi do lũ gây ra. Hệ thống đê bao, bờ bao ở đồng bằng sông Cửu Long phải được hiểu và đã được xác định là công trình đa mục tiêu, nhằm bảo vệ an toàn

cho người dân, cơ sở hạ tầng, phát triển sản xuất, bao gồm cả cây lúa và các loại hình sản xuất khác. Quan điểm mặc định cho rằng hệ thống đê bao chỉ để bảo vệ vùng trồng lúa là một thiếu sót và không đúng với mục tiêu quy hoạch cũng như thực tiễn của vùng.

Quan điểm kiểm soát lũ của ĐBSCL đã được xác định là “sống chung với lũ”, và gần đây lại được nâng lên mức cao hơn trong Nghị quyết 120/NQ-CP của Chính phủ là “Chủ động sống chung với lũ, ngập, nước mặn, nước lợ”. Để chủ động được thì nhất thiết phải có hệ thống công trình kiểm soát. Các hệ thống đê bao chống lũ triệt để (đê bao chống lũ cả năm), đê bao chống lũ đầu vụ (đê bao tháng 8) được xây dựng phổ biến ở vùng thượng và giữa đồng bằng, có hiệu quả tốt trong bảo vệ dân cư, cơ sở hạ tầng và sản xuất. Tuy vậy, vẫn có một số tác động đến nguồn nước như sau:

- Ảnh hưởng đến lượng trữ nước: Vùng ngập sâu của ĐBSCL có diện tích 630.0000 ha. Hiện nay, hệ thống đê bao triệt để đã bảo vệ diện tích khoảng từ 250.000-300.000 ha. Tổng lượng lũ trữ ở các khu vực này dao động từ 5,1- 8,9 tỷ m³ tùy thuộc vào điều kiện năm lũ lớn hay nhỏ. So với trước đây, lượng trữ lũ đã giảm từ 2–4,5 tỷ m³. Tuy nhiên, lượng trữ lũ này qua tính toán cho thấy không có tác động lớn đến dòng chảy kiệt và xâm nhập mặn vì tổng lượng trữ này chỉ tham gia được vào việc gia tăng dòng chảy kiệt từ 410 -500 m³/s vào đầu mùa khô trong tháng 12 và đầu tháng 1 (với giả thiết trữ lũ hết tháng 11 và bắt đầu xả lũ trước xuống giống vụ Đông Xuân khoảng 10 ngày vào đầu tháng 12). Điều này ngụ ý rằng, lượng nước lũ này chỉ có thể giúp giảm chiều dài xâm nhập mặn tháng 12 và đầu tháng 1, nhưng mức độ giảm không đáng kể (chỉ từ 500m -1,5 km tùy cửa sông, tương đương diện tích ảnh hưởng 10.000 – 20.000 ha). Với những năm cực đoan, tác dụng này lại càng nhỏ. Vì vậy, nhận định việc phát triển đê bao ở vùng thượng làm gia tăng xâm nhập mặn là thiếu cơ sở.

- Ảnh hưởng đến mực nước lũ ở vùng giữa: Theo tính toán của Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam, việc phát triển hệ thống đê bao ở vùng thượng nguồn có thể làm gia tăng mực nước ở vùng giữa, tuy nhiên mức độ tăng không lớn (Với kịch bản lũ năm 2000, mực nước tại Cần Thơ và Mỹ Thuận có thể gia tăng thêm 20-25cm; Năm 2018 lũ ở Tân Châu không đạt báo động III nhưng mực nước triều tại Cần Thơ vượt đỉnh triều lịch sử). Việc phát triển hệ thống đê bao ở vùng giữa là yêu cầu khách quan của phát triển kinh tế, với các vùng trồng cây ăn trái tập trung, có giá trị kinh tế cao, đòi hỏi phải được bảo vệ với mức độ an toàn cao hơn cũng đồng thời góp phần giảm ngập lụt tại các khu vực đô thị trước xu thế sạt, lún đất đã được ghi nhận tại vùng ĐBSCL, cùng diễn biến bất lợi của khí hậu, dòng chảy từ thượng nguồn sông Mê Công.

- Các tác động tiêu cực khi có hệ thống đê bao đối với vấn đề không lấy được phù sa và vệ sinh đồng ruộng của lũ có thể hạn chế, giảm thiểu bằng các giải pháp vận hành hệ thống linh hoạt (tháo lũ vào ô bao sau khi thu hoạch, sản xuất 3 năm – 8 vụ...).

Vấn đề ô nhiễm nguồn nước và sụt lún đồng bằng

Với đặc điểm địa hình bằng phẳng thấp trũng, mạng lưới sông kênh dày đặc, tiếp giáp biển, ĐBSCL hình thành nhiều khu vực giáp triều, việc cấp nước từ sông Tiền và sông Hậu cho khu vực ven biển gặp nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, do đặc điểm lịch sử, dân cư nông thôn và đô thị, công nghiệp của ĐBSCL theo mô hình phân tán và chưa có hệ thống xử lý nước thải hoàn chỉnh dẫn đến một lượng đáng kể nước thải không qua xử lý hoặc xử lý không đạt tiêu chuẩn vẫn xả ra môi trường mỗi ngày. Đây là một trong những nguyên nhân khiến tài nguyên nước tại ĐBSCL đã có các dấu hiệu nhiễm bẩn chất hữu cơ và vi sinh. Bên cạnh đó, ô nhiễm môi trường trong sản xuất nông nghiệp vùng ĐBSCL ngày càng nghiêm trọng hơn. Việc thâm canh tăng vụ trong trồng trọt, nuôi trồng thủy sản đã bộc lộ mặt trái: gây ô nhiễm môi trường, mất cân bằng sinh thái, sụt lún đất, suy giảm mực nước ngầm... đang gây áp lực lớn lên môi trường, nguy cơ lây lan dịch bệnh.

Để giảm thiểu tác động bất lợi của việc ô nhiễm nguồn nước, đặc biệt đối với vùng ven biển thì một trong những giải pháp cần thiết là xây dựng các công trình kiểm soát mặn, triều, kết hợp với trạm bơm để gia tăng hiệu quả cấp nước bổ sung vào các hệ thống thủy lợi, bố trí sản xuất dân cư, đồng thời xây dựng quy trình vận hành công trình hợp lý để giảm ô nhiễm.

Về vấn đề lún đất, theo báo cáo của Bộ Tài nguyên và Môi trường, tình trạng sụt lún đất tại ĐBSCL do các nguyên nhân về tự nhiên, nhân tạo như vùng tràm tích trữ, đang trong quá trình cô kết, nén chặt của các lớp tràm tích, hoạt động tân kiến tạo, quá trình bóc mòn, bồi tụ bề mặt địa hình... cùng các hoạt động khai thác nước dưới đất quá mức, phát triển các công trình kết cấu hạ tầng đô thị, đường giao thông... Đến nay, chưa có nghiên cứu, đánh giá cụ thể để xác định mức độ tác động của từng nguyên nhân gây lún nêu trên nhưng khai thác nước dưới đất quá mức được nhận định là một trong những nguyên nhân chính gây sụt lún đất ở khu vực Thành phố Hồ Chí Minh và vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Tuy nhiên, quy mô, mức độ tác động làm gia tăng quá trình lún còn phụ thuộc vào đặc điểm của từng khu vực cụ thể. Số liệu ghi nhận cho thấy có khu vực khai thác nước ngầm với mật độ cao nhưng lại không bị lún hoặc lún ít hơn so với các khu vực khai thác với mật độ nhỏ hơn.

Tùy thuộc vào đặc điểm cụ thể của mỗi khu vực mà có thể do nhóm nguyên nhân về tự nhiên hoặc nhóm nguyên nhân do hoạt động của con người (trong đó có khai thác nước dưới đất, xây dựng kết cấu hạ tầng) là nguyên nhân chính. Hiện nay, các khu vực Bạc Liêu, Sóc Trăng, Cà Mau đang có hiện tượng suy giảm mực nước ngầm rất lớn. Việc phát triển hệ thống thủy lợi cũng nhằm mục tiêu bảo vệ và sử dụng hợp lý nguồn nước ngọt, hạn chế và dần dần thay thế việc sử dụng nước ngầm để giảm sụt lún đất, đặc biệt là khu vực ven biển.

Một số quan điểm, định hướng phát triển hệ thống thủy lợi trong thời gian tới

Quán triệt sâu sắc quan điểm của Nghị quyết 13 của Bộ Chính trị; Nghị quyết 120/NQ-CP của Chính phủ về Phát triển bền vững ĐBSCL thích ứng với BĐKH, trong đó lấy tài nguyên nước làm yếu tố cốt lõi làm cơ sở hoạch định các định hướng phát triển. Một số quan điểm cụ thể:

- Chủ động thích ứng, phát huy tiềm năng, thế mạnh, chuyển hóa những thách thức thành cơ hội để phát triển...

- Thay đổi tư duy phát triển, chuyển từ tư duy sản xuất nông nghiệp thuần túy, chủ yếu là sản xuất lúa sang tư duy phát triển kinh tế nông nghiệp đa dạng, đáp ứng nhu cầu của thị trường, chuyển từ phát triển theo số lượng sang chất lượng;...

- Tôn trọng quy luật tự nhiên, phù hợp với điều kiện thực tế, tránh can thiệp thô bạo vào tự nhiên; chọn mô hình thích ứng theo tự nhiên, thân thiện với môi trường và phát triển bền vững với phương châm chủ động sống chung với lũ, ngập, nước lợ, nước mặn; nghiên cứu, xây dựng các kịch bản và có giải pháp ứng phó hiệu quả với thiên tai như bão, lũ, hạn hán và xâm nhập mặn, với các tình huống bất lợi nhất do biến đổi khí hậu và phát triển thượng nguồn sông Mê Công. Phát triển kinh tế gắn liền với phát triển xã hội, giảm nghèo, tạo việc làm, giải quyết an sinh xã hội, bảo vệ môi trường và xây dựng nông thôn mới. Khuyến khích sự tham gia của tất cả các bên liên quan, bảo đảm sự gắn kết hữu cơ trong nội vùng cũng như sự liên kết chặt chẽ với vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và Tiểu vùng sông Mê Công.

- Vì lợi ích chung của đất nước, Tiểu vùng sông Mê Công và quốc tế.

- Việc chuyển đổi mô hình phát triển phải dựa trên hệ sinh thái, đảm bảo phù hợp với điều kiện tự nhiên, đa dạng sinh học, văn hóa, con người và các quy luật tự nhiên; kết hợp giữa công nghệ tiên tiến, hiện đại với tri thức, kinh nghiệm truyền thống, đảm bảo tính ổn định và sinh kế của người dân, trong đó người dân

và doanh nghiệp đóng vai trò trung tâm, Nhà nước đóng vai trò định hướng, dẫn dắt.

- Tiếp cận tổng thể, tích hợp; tăng cường hợp tác liên kết phát triển giữa các địa phương...

- Mọi hoạt động đầu tư phải được điều phối thống nhất, liên vùng, liên ngành, trọng tâm, trọng điểm, lộ trình hợp lý, ưu tiên công trình cấp bách. Phải chú trọng và chủ yếu áp dụng các giải pháp phi công trình, đồng thời thực hiện tốt các giải pháp công trình.

- Chủ động hội nhập quốc tế, tăng cường hợp tác với các nước Tiểu vùng sông Mê Công.

Việc triển khai các quan điểm, định hướng trên sẽ được cụ thể hóa trong Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long giai đoạn 2022-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Viện đang xây dựng.

Trên đây là một số quan điểm về phát triển thủy lợi vùng ĐBSCL trong thời gian tới. Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam báo cáo Tổng cục Thủy lợi xem xét.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VPV.

VIỆN TRƯỞNG



Đỗ Đức Dũng

Đính kèm: Bài báo “Vấn đề nội tại của sức khỏe đồng bằng” của chuyên gia Nguyễn Hữu Thiện

Bài báo: Vấn đề nội tại của sức khỏe đồng bằng

Nguồn: <https://nhandan.vn/van-de-noi-tai-cua-suc-khoe-dong-bang-post715543.html>

Đăng ngày: Thứ sáu, ngày 16/09/2022 - 16:27

Tác giả: Thsĩ Nguyễn Hữu Thiện, Chuyên gia độc lập về sinh thái đồng bằng sông Cửu Long.

Hai mươi năm trước, khi nói về nước ở đồng bằng sông Cửu Long người ta thường nghe về lũ lụt. Trong những năm gần đây thì lại nghe hàng loạt chuyện về thiếu nước, nước mặn lấn sâu, ô nhiễm sông ngòi, suy giảm nước ngầm, sụt lún nhanh. Câu hỏi đặt ra là quản lý nước cho vùng đồng bằng này như thế nào trong bối cảnh phức tạp như vậy?



Hệ thống đê bao bê-tông vững chắc chống xâm thực vào đất liền bao quanh Vườn quốc gia Mũi Cà Mau. Ảnh:Trọng Đạt

Mặt trái của những nỗ lực canh tác lúa

Vào những năm 80 của thế kỷ trước cả nước bị thiếu đói, do đó đồng bằng sông Cửu Long là vùng đất màu mỡ nhất đóng vai trò an ninh lương thực cho cả nước. Tất cả mọi nguồn lực đã được huy động để thực hiện nhiệm vụ này. Trong giai đoạn đầu là việc đào kênh, xỏ phèn, khai hoang, phục hóa, mở rộng diện tích sản xuất lúa. Đến năm 1989, Việt Nam đã bắt đầu xuất khẩu gạo. Đồng bằng sông Cửu Long đã giúp cả nước thoát đói, biến Việt Nam từ một nước thiếu lương thực sang một nước xuất khẩu lương thực và có thu nhập ngoại tệ từ xuất khẩu lương

thực. Theo đó, việc tăng sản lượng lúa để tăng xuất khẩu thu ngoại tệ được tiếp tục. Đến khi hết diện tích để mở rộng canh tác thì chuyển sang thâm canh, tăng vụ từ một vụ lên hai vụ và lên ba vụ, kể cả những vùng trũng ngập lũ sâu ở đầu nguồn đồng bằng ở Tứ giác Long Xuyên và Đồng Tháp Mười. Việc tăng sản lượng lúa này đã biến Việt Nam thành quốc gia xuất khẩu gạo lớn nhất nhì thế giới.

Tuy nhiên, mặt trái của vấn đề là các đê bao khép kín ở vùng Tứ giác Long Xuyên và Đồng Tháp Mười đã chiếm không gian hấp thu nước lũ tự nhiên của hai vùng này. Nước lũ không vào trong đồng được nên tìm không gian nơi khác, gây ngập cho vùng cây trái và các đô thị ở vùng giữa đồng bằng (Cao Lãnh, Vĩnh Long, Mỹ Tho ở phía sông Tiền, Cần Thơ, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Hậu Giang, Sóc Trăng ở phía sông Hậu). Nói cách khác, nước lũ đã bị dịch chuyển từ Tứ giác Long Xuyên và Đồng Tháp Mười xuống vùng giữa đồng bằng.

Kích hoạt cuộc đua đê bao khép kín

Sự dịch chuyển lượng nước lũ từ các vùng ngập lũ sâu đầu nguồn, Tứ giác Long Xuyên và Đồng Tháp Mười, xuống vùng giữa đồng bằng đã kích hoạt cuộc đua làm đê bao khép kín để bảo vệ vườn cây ăn trái của vùng này. Lúc đầu một vài nơi trũng bị ngập đã làm đê bao khép kín để bảo vệ. Những nơi chưa có đê bao khép kín lại càng bị gia tăng ngập. Theo đó, tất cả đã vào cuộc đua đê bao khép kín, theo hiệu ứng domino.

Đến nay, hầu như toàn bộ diện tích vùng giữa đã có đê bao khép kín, ngoại trừ các đô thị. Không gian hấp thu lũ càng ngày càng bị thu hẹp. Tất cả các kênh rạch, sông ngòi vùng giữa đều có đê cao hai bên sông. Nước lũ không được hấp thu vào ruộng, vườn, chỉ chảy được trong sông nên đã chảy tuột ra biển trong mùa lũ. Đến mùa khô, khi dòng Mê Công yếu đi thì hệ thống sông ngòi, đất đai các cánh đồng không có nước bổ sung cho dòng chính để cân bằng mặn ngọt ven biển. Theo đó, biển lấn sâu hơn vào đất liền, gia tăng xâm nhập mặn.

Như vậy, trong bối cảnh nước biển dâng và sự biến động lượng nước từ thượng nguồn Mê Công xuống, khả năng tự cân bằng mặn ngọt tự nhiên của đồng bằng sông Cửu Long cũng đã bị suy yếu.

Đồng bằng trước những năm 90 của thế kỷ trước là một đồng bằng mở, có không gian cho nước lũ lan tỏa, có không gian cho thủy triều lan tỏa, liên thông thông thoáng với sông Cửu Long và với biển. Song, từ thời điểm đó đến nay, đồng bằng sông Cửu Long đã biến thành hệ khép kín, không còn không gian cho nước lũ, không còn không gian cho thủy triều, không còn liên thông một cách thông thoáng với dòng chính sông Cửu Long, và không còn liên thông một cách thông thoáng với biển.

Ô nhiễm sông ngòi và sụt lún đồng bằng

Để phục vụ cho mục tiêu tối đa hóa sản lượng lúa, hệ thống công trình ngăn mặn khổng lồ đã được xây dựng gần như khép kín toàn bộ đồng bằng sông Cửu Long, trừ những cửa sông lớn. Ở những cửa sông lớn không có đập chắn ngang thì có đê ven sông và hệ thống cống để ngăn mặn. Vào mùa khô, phần lớn các cống ngăn mặn được đóng kín trong nhiều tháng từ khoảng tháng 1 đến tháng 5 hằng năm. Do đó, trong mùa khô, đối với phần lớn vùng nội địa đồng bằng, ảnh hưởng của thủy triều bị suy yếu. Sông rạch nội địa chảy yếu hoặc ngừng chảy, trở nên tù đọng, ô nhiễm nặng nề. Có những nơi sông rạch biến thành những vùng sông đen hoặc phủ kín lục bình trong mùa khô, không còn sử dụng cho sinh hoạt được, nhất là trong mùa khô khi các công trình đóng kín. Do đó, người dân phụ thuộc vào việc sử dụng nước ngầm cho sinh hoạt. Các hệ thống cấp nước nông thôn ở cấp xã phần lớn cũng lấy từ nguồn nước ngầm.

Ở vùng ven biển, vào mùa khô thiếu nguồn nước ngọt nên người dân chỉ còn cách sử dụng nước ngầm. Cho đến nay, các công trình cống đập ngăn mặn đều có chức năng ngăn mặn-trữ ngọt cho sản xuất và cho sinh hoạt, nhưng trên thực tế nước ngọt trong các công trình này không dùng cho sinh hoạt được vì tù đọng, ô nhiễm. Việc khai thác nước ngầm quá mức là nguyên nhân chính dẫn đến sụt lún đồng bằng nhanh gấp ba, bốn lần tốc độ nước biển dâng, có nơi gấp 10 lần.

Cần làm rõ mục đích quản lý nước

Trước khi bàn về quản lý nước như thế nào thì cần đặt lại câu hỏi quản lý nước nhằm mục đích gì?

Nếu chỉ quản lý nước với mục tiêu duy nhất là phục vụ sản xuất với hệ thống canh

tác nước ngọt thì cách quản lý nước sẽ rất khác, đơn giản hơn nhiều so với quản lý nước để duy trì sự vận hành lành mạnh của hệ thống tự nhiên để duy trì sức khỏe của đồng bằng. Sức khỏe của đồng bằng bao gồm sức khỏe của đất đai, sông ngòi, và biển, trong đó về loại nước thì có nước ngọt, nước mặn, nước lợ và về nguồn nước thì có nước từ thượng nguồn Mê Công chảy về, nước mưa, nước ngầm, nước biển trong một hệ thống tổng thể vận hành hài hòa.

Vậy, công tác quản lý nước cần đáp ứng được mục tiêu đầu tiên là bảo đảm sức khỏe hệ thống, đất đai, sông ngòi, và biển; thứ hai là giảm được rủi ro thiệt hại sản xuất; và thứ ba là đáp ứng nhu cầu nước sinh hoạt. Việc quản lý nước nên là một "liên hoàn kế" chứ không nên riêng lẻ theo kiểu "kê toa theo triệu chứng", giải quyết triệu chứng được nhanh nhưng về lâu dài ảnh hưởng "lục phủ ngũ tạng" của đồng bằng.

Quản lý nước cần như thế nào?

Chìa khóa của việc quản lý nước ở đồng bằng sông Cửu Long nằm ở nông nghiệp. Cải cách nền nông nghiệp theo tinh thần Nghị quyết 13 của Bộ Chính trị, theo hướng giảm thâm canh, chú trọng chất lượng sẽ giảm được phân bón thuốc trừ sâu, giảm được những công trình can thiệp thô bạo vào quy luật tự nhiên. Cụ thể, đối với vùng ngập lũ đầu nguồn, Tứ giác Long Xuyên và Đồng Tháp Mười cần giảm bớt một vụ lúa mùa lũ để xả lũ vào, phục hồi không gian hấp thu lũ. Vùng giữa đồng bằng cần cải thiện lưu thông nước giữa sông ngòi và ruộng vườn. Với vùng ven biển cần chuyển đổi hệ thống canh tác ở vùng này sang thuận với mùa mặn ngọt tự nhiên. Việc kiểm soát mặn nên lùi vào vùng biên giữa của vùng lõi ngọt của đồng bằng, với những công trình cỡ nhỏ và chỉ kiểm soát vào thời gian giao mùa mặn-ngọt và những năm cực đoan. Vùng mặn-ngọt luân phiên theo mùa rất cần những công trình quản lý nước để phục vụ cho hệ thống luân canh mặn-ngọt.

Thực hiện đúng tinh thần Nghị quyết 13 của Bộ Chính trị, Nghị quyết 120 của Chính phủ và Quy hoạch tích hợp đồng bằng sông Cửu Long sẽ giải quyết được các vấn đề nội tại về quản lý nước, từ đó châu thổ Cửu Long sẽ có sức chống chịu tốt hơn với ảnh hưởng từ thượng nguồn và từ biển vào. Sông ngòi được phục hồi sẽ giảm được sử dụng nước ngầm. Sông-biển được liên thông thì sức khỏe sông

và biển được phục hồi, thủy sản sông, thủy sản biển sinh sôi trở lại. Sông rạch được lưu thông thì ghe xuồng sẽ đi lại được như xưa, nét đẹp văn hóa sông nước sẽ được giữ gìn.

Chuyển sang canh tác chất lượng cao, gia tăng chế biến, chuỗi giá trị, nền nông nghiệp sẽ thoát cảnh vất vả oằn mình chống chọi thiên nhiên. Nông sản Việt Nam sẽ có mặt ở các thị trường cao cấp trên thế giới và nông nghiệp sẽ mang lại sự thịnh vượng, diện mạo mới cho đồng bằng.